



Mã nhận dạng 00733

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - HLNT

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19112312	Lê Hải Nam	DH19TYNT			7	6	6	6.13	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

CBGD: 0

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 04874

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 250

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	22175002	Đỗ Thị Mỹ Duyên	DH22MNNT			8	6	5	5.67	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	22175001	Quảng Thị Ngọc Mai	DH22MNNT			8	6	5	5.67	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	22175003	Nguyễn Thị Thúy	DH22MNNT			8	7	5	5.93	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	22175004	Nguyễn Thị Bé	DH22MNNT			8	6	5	5.67	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	22175005	Bạch Thị Thu	DH22MNNT			8	7	8	7.73	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	22175006	Lê Thị Minh	DH22MNNT			8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	22175007	Nguyễn Thị Hồng	DH22MNNT			8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	22175008	Nguyễn Nữ Thục	DH22MNNT			8	7	9	8.33	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	22175009	Nguyễn Văn Phương	DH22MNNT			8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	22175010	Nguyễn Thị	DH22MNNT			8	8	6	6.80	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	22175011	Lê Phạm Hương	DH22MNNT			8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	22175012	Lê Thị Minh	DH22MNNT			8	7	5	5.93	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	22175013	Lê Thị Tuyết	DH22MNNT			8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	22175016	Lê Thị Bích	DH22MNNT			8	6	7	6.87	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	22175014	Hồ Thị Ngọc	DH22MNNT			8	6	6	6.27	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	22175015	Nguyễn Thị Như	DH22MNNT			8	6	5	5.67	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 16.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 12/12/2022 11:44



Mã nhận dạng 04871

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 206

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	22128256	Trần Anh Quốc Bảo	DH22AVNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
2	22128283	Trương Thị Kim Chi	DH22AVNT			8	5	6	6.00	0012345678910	0123456789
3	22128284	Trương Thị Phước Duyên	DH22AVNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
4	22128257	Lê Ngọc Hải Hà	DH22AVNT			8	4	5	5.13	0012345678910	0123456789
5	22128258	Đỗ Gia Hân	DH22AVNT			8	9	9	8.87	0012345678910	0123456789
6	22128259	Phạm Phi Hiệu	DH22AVNT			8	8	6	6.80	0012345678910	0123456789
7	22128285	Huỳnh Huy Hoàng	DH22AVNT			8	9	6	7.07	0012345678910	0123456789
8	22128286	Kiều Nữ Dáng Hương	DH22AVNT			8	8	8	8.00	0012345678910	0123456789
9	22128260	Nguyễn Duy Khang	DH22AVNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
10	22128261	Huỳnh Sĩ Lâm	DH22AVNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
11	22128262	Phạm Thị Linh	DH22AVNT			8	7	6	6.53	0012345678910	0123456789
12	22128263	Lê Nguyễn Nhật Long	DH22AVNT			8	8	6	6.80	0012345678910	0123456789
13	22128264	Huỳnh Đào Uyên Nhi	DH22AVNT			8	6	7	6.87	0012345678910	0123456789
14	22128266	Võ Thị Phương Nhi	DH22AVNT			8	6	7	6.87	0012345678910	0123456789
15	22128267	Đặng Thị Nhung Nhớ	DH22AVNT			8	9	9	8.87	0012345678910	0123456789
16	22128268	Nguyễn Thị Hồng Nhung	DH22AVNT			8	7	8	7.79	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04871

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 206

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	22128269	Nguyễn Nhật Diễm	Quỳnh	DH22AVNT		8	8	7	7.40	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	22128270	Võ Thị Diễm	Quỳnh	DH22AVNT		8	4	6	5.73	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	22128271	Nguyễn Thị Minh	Thảo	DH22AVNT		8	7	8	7.73	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	22128273	Nguyễn Thị Mỹ	Thom	DH22AVNT		8	6	8	7.47	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	22128274	Nguyễn Thị Minh	Tiến	DH22AVNT		8	7	8	7.73	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	22128276	Lê Hồng Văn	Trinh	DH22AVNT		8	7	8	7.73	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	22128277	Trần Thị Phương	Trinh	DH22AVNT		8	6	7	6.87	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	22128278	Nguyễn Phương	Uyên	DH22AVNT		8	5	7	6.60	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	22128279	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	DH22AVNT		8	6	8	7.47	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	22128281	Phan Thùy Bích	Vy	DH22AVNT		8	5	7	6.60	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	22128282	Ngô Thị Như	Xuân	DH22AVNT		8	6	8	7.47	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Long Vũ

Nguyễn Long Vũ



Mã nhận dạng 04869

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 204

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	22116118	Hồ Tường Anh	DH22TYNT			8	8	8	8.00	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	22116119	Nguyễn Hồng Chiến	DH22TYNT			8	8	9	8.60	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	22112439	Nguyễn Xuân Hiền	DH22TYNT			8	6	7	6.87	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	22112438	Trần Trúc Đào	DH22TYNT			8	7	9	8.33	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	22112440	Đỗ Thị Thu	DH22TYNT			8	7	9	8.33	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	22116121	Trần Thị Kim Hoa	DH22TYNT			8	6	8	7.47	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	22116122	Nguyễn Lê Công Huynh	DH22TYNT			7	7	5	5.80	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	22112492	Trương Bảo Nghi	DH22TYNT			8	4	7	6.33	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	22112441	Cao Thành Nguyên	DH22TYNT			7	6	7	6.73	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	22112442	Phạm Nguyễn Bảo Nhi	DH22TYNT			8	5	7	6.60	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	22112443	Lê Văn Phúc	DH22TYNT			8	8	8	8.50	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	22112444	Bùi Văn Phước	DH22TYNT			8	7	8	7.77	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	22112445	Lê Thị Thanh Phượng	DH22TYNT			8	6	8	7.47	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	22112446	Hồ Nguyễn Kim Quyên	DH22TYNT			8	6	8	7.47	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	22112447	Nguyễn Trúc Quỳnh	DH22TYNT			8	7	9	8.33	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	22112448	Nguyễn Minh Tâm	DH22TYNT			7	10	9	9.00	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 204

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	22112450	Thiều Đặng Minh Trí	DH22TYNT			8	7	7	7.13	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 ● 4 5 6 7 8 9
18	22112451	Trương Thanh Trí	DH22TYNT			8	6	5	5.67	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 207

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	22122485	Đinh Nguyễn Hoàng Anh	DH22QTNT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789
2	22122486	Hồ Thị Lan	DH22QTNT			8	7	7	7.13	0012345678910	0123456789
3	22122487	Hồ Thị Bích	DH22QTNT			8	7	8	7.73	0012345678910	0123456789
4	22122520	Võ Thành	DH22QTNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
5	22116120	Nguyễn Ngọc Xuân	DH22QTNT			7	5	5	5.27	0012345678910	0123456789
6	22122515	Huỳnh Tấn	DH22QTNT			7	9	6	6.93	0012345678910	0123456789
7	22122488	Nguyễn Ngọc Mỹ	DH22QTNT			7	5	5	5.27	0012345678910	0123456789
8	22122489	Nguyễn Phi	DH22QTNT			8	7	7	7.13	0012345678910	0123456789
9	22122516	Huỳnh Tuyết	DH22QTNT			7	6	5	5.53	0012345678910	0123456789
10	22122490	Lê Hoàng Quốc	DH22QTNT			7	8	7	7.27	0012345678910	0123456789
11	22122491	Nguyễn Việt	DH22QTNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
12	22122492	Nguyễn Thị Kiều	DH22QTNT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789
13	22122493	Nguyễn Lê Ngọc	DH22QTNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
14	22122494	Nguyễn Bảo Ái	DH22QTNT			8	7	7	7.13	0012345678910	0123456789
15	22122495	Cổ Như	DH22QTNT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
16	21128304	Hoàng Thanh	DH21QTNT			8	8	6	6.80	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04876



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 207

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	22122496	Nguyễn Thị Hương	Nhiên	DH22QTNT		8	5	7	6.60	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	22122497	Lê Tấn	Phát	DH22QTNT		9	9	9	9.00	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	22122498	Nguyễn Thiện	Phát	DH22QTNT		8	6	5	5.67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	22122499	Ngô Duy	Phúc	DH22QTNT		8	6	5	5.67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	22122500	Nguyễn Hữu	Phúc	DH22QTNT		8	6	5	5.67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	22122502	Dương Thị Mai	Quyên	DH22QTNT		8	8	5	6.20	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	22122517	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	DH22QTNT		8	5	5	5.40	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	22116123	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DH22QTNT		8	6	5	5.67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	22122503	Đỗ Phạm Duy	Thanh	DH22QTNT		9	7	5	6.07	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	22122504	Hồ Thị	Tiền	DH22QTNT		9	5	5	5.53	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	22122505	Hàng Nguyệt	Trâm	DH22QTNT		9	5	5	5.53	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	22122519	Phan Thành	Ý	DH22QTNT						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Vũ, Phó

Nguyễn Thị Vũ, Phó

Ngày in : 12/12/2022 11:44



Mã nhận dạng 04870

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 205

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	22123182	Đỗ Ngọc Anh	DH22KENT			8	8	8	8.00	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	22123185	Trương Thụy Hồng	DH22KENT			8	8	8	8.00	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	22123186	Nguyễn Thị Minh	DH22KENT			8	6	9	8.07	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	22123187	Lê Võ Quang	DH22KENT			7	5	5	5.27	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥●⑧⑨
5	22123188	Lê Dương Hoàng	DH22KENT			8	2	8	7.73	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥●⑧⑨
6	22123192	Huỳnh Thị Hạnh	DH22KENT			8	2	7	7.13	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	22123190	Trần Lê Phương	DH22KENT			8	6	5	5.67	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑧⑨
8	22123191	Võ Thị Tuyết	DH22KENT			8	6	7	6.87	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	22123193	Lê Thị Hiệp	DH22KENT			8	2	8	7.73	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥●⑧⑨
10	22123194	Lê Trương Thanh	DH22KENT			8	5	6	6.00	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	22123195	Phan Thị Hồng	DH22KENT			8	2	8	7.23	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥●⑧⑨
12	22123196	Nguyễn Quốc	DH22KENT			7	2	5	5.80	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	22123197	Nguyễn Vũ Thu	DH22KENT			8	6	5	5.67	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑧⑨
14	22123198	Nguyễn Đăng Khoa	DH22KENT			8	5	5	5.40	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	22123199	Cao Thị Hồng	DH22KENT			8	5	6	6.00	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	22123200	Bùi Thị Khánh	DH22KENT			8	6	5	5.67	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑧⑨



Mã nhận dạng 04870

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 205

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	22123202	Trần Thị Trúc My	DH22KENT			8	6	6	6.24	0012345678910	0123456789
18	22123203	Trương Thanh Nhã	DH22KENT			8	7	8	7.73	0012345678910	0123456789
19	22123204	Nguyễn Mai Yên	DH22KENT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
20	22123205	Nguyễn Thanh Ngọc	DH22KENT			8	7	8	7.73	0012345678910	0123456789
21	22123206	Phạm Thị Ngọc	DH22KENT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
22	22123207	Trần Thị Ái	DH22KENT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789
23	22123210	Nguyễn Hồ Hồng	DH22KENT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789
24	22123208	Lê Thị Quỳnh	DH22KENT			8	7	6	6.53	0012345678910	0123456789
25	22123209	Phạm Nguyễn Quỳnh	DH22KENT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789
26	22123212	Trần Thị Ngọc	DH22KENT			7	7	7	7.00	0012345678910	0123456789
27	22123211	Trần Ngọc	DH22KENT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789
28	22123213	Nguyễn Thị Cẩm	DH22KENT			8	7	8	7.73	0012345678910	0123456789
29	22123214	Trần Thị Nhã	DH22KENT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
30	22123215	Nguyễn Thị	DH22KENT			8	6	5	5.67	0012345678910	0123456789
31	22123217	Nguyễn Xuân	DH22KENT			8	6	7	6.87	0012345678910	0123456789
32	22123218	Trần Mai Như	DH22KENT			8	5	5	5.40	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04870

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 205

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	22123220	Nguyễn Lê Đức Thuận	DH22KENT	<i>Thuận</i>		8	6	5	5.80	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	22123223	Nguyễn Thị Xuân Thùy	DH22KENT	<i>Xuân</i>		8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	22123221	Nguyễn Mai Thương	DH22KENT	<i>Thương</i>		8	6	5	5.80	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	22123222	Trần Thị Văn Thương	DH22KENT	<i>Thị</i>		8	5	7	6.60	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	22123224	Trương Nguyễn Huyền Trân	DH22KENT							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	22123225	Phan Thị Thanh Trúc	DH22KENT	<i>Trúc</i>		8	6	7	6.80	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	22123226	Trương Thị Mỹ Trúc	DH22KENT	<i>Trúc</i>		8	5	5	5.40	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	22123227	Hồ Thị Thanh Vy	DH22KENT	<i>Thị</i>		8	6	5	5.60	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	22123229	Phạm Thị Như Ý	DH22KENT	<i>Ý</i>		8	6	5	5.60	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Long Vũ

Nguyễn Long Vũ